

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 568/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải (tờ trình số 1279/TTr-BGTVT ngày 08 tháng 02 năm 2013) về Điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh cũng như chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải quốc gia và của các địa phương có liên quan.
- Phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh phải gắn liền với địa lý của vùng để đảm bảo giao thông thuận tiện giữa thành phố Hồ Chí Minh với các đô thị vệ tinh trong khu vực, với cả nước và quốc tế.
- Phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, bền vững, hiện đại đáp ứng nhu cầu đi lại thuận tiện của người dân, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Chú trọng bảo trì để khai thác triệt để năng lực kết cấu hạ tầng giao thông hiện có, đầu tư có trọng điểm các công trình quan trọng bức thiết mang tính đột phá đóng vai trò động lực phát triển kinh tế - xã hội.

4. Nâng cao chất lượng vận tải, chú trọng vào giao thông vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, hạn chế ô nhiễm môi trường, sử dụng năng lượng hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, đặc biệt là vận tải đa phương thức và logistics.

5. Đảm bảo tính khoa học, hợp lý và khả thi, đáp ứng được các yêu cầu trước mắt và định hướng lâu dài. Huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển giao thông vận tải dưới nhiều hình thức, thu hút đầu tư nước ngoài và hội nhập quốc tế, củng cố an ninh quốc phòng và phát triển bền vững.

6. Ưu tiên dành quỹ đất hợp lý để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, tăng cường công tác quản lý hành lang an toàn giao thông, hạn chế tiến tới giảm thiểu ùn tắc và tai nạn giao thông. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến và tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu đến năm 2020

a) Về vận tải:

Đáp ứng nhu cầu vận tải với chất lượng ngày càng cao, giá cả hợp lý đảm bảo an toàn, tiện lợi, kiềm chế tiến tới giảm tai nạn giao thông và hạn chế ô nhiễm môi trường trên cơ sở tổ chức vận tải hợp lý và phát huy lợi thế của thành phố Hồ Chí Minh; từng bước phát triển vận tải công cộng khối lượng lớn, vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Giao thông công cộng (xe buýt, đường sắt đô thị, taxi): Thị phần đảm nhận từ 20% ÷ 25%;
- Giao thông cá nhân (ô tô, xe máy, xe đạp): Thị phần đảm nhận từ 72% ÷ 77%;
- Các loại hình giao thông khác: Thị phần đảm nhận ở mức 3%.

b) Về kết cấu hạ tầng giao thông:

Cơ bản đầu tư hệ thống giao thông đường bộ chính bao gồm: Trục đường hướng tâm, đường xuyên tâm và vành đai để đảm nhận vai trò vận tải trong nội thành và

phân bổ giao thông từ nội - ngoại thành. Xây dựng từ 1 ÷ 2 tuyến đường bộ trên cao. Đối với các tuyến đường trục chính đô thị hiện hữu tiến hành cải tạo nâng cấp 90 ÷ 100% phần mặt đường để tăng năng lực thông xe. Các trục đường trục chính đô thị xây dựng mới phải đảm bảo lộ giới quy hoạch và tiêu chuẩn cấp đường.

Thực hiện đầu tư xây dựng từ 2 ÷ 3 tuyến đường sắt đô thị để đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách công cộng.

Thực hiện di dời các khu bến cảng trên sông Sài Gòn. Phát triển đồng bộ hệ thống cảng biển và luồng vào cảng; ưu tiên đầu tư các bến cảng biển chính (khu bến cảng Cát Lái, khu bến cảng trên sông Nhà Bè, khu bến cảng Hiệp Phước) để đáp ứng nhu cầu vận tải của khu vực.

Cải tạo, nâng cấp và hoàn thành đưa vào cấp kỹ thuật các luồng tuyến vận tải thủy nội địa; nâng cấp và đầu tư có chiều sâu các cảng sông; xây dựng các bến tàu khách phục vụ cho vận tải hành khách và du lịch.

Cải tạo, nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất để đạt công suất 23,5 triệu hành khách/năm và 600.000 tấn hàng hóa/năm vào năm 2015. Đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành để đáp ứng nhu cầu trong từng thời kỳ.

2. Định hướng phát triển sau năm 2020

Thỏa mãn được nhu cầu vận tải và dịch vụ vận tải của xã hội với chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá thành hợp lý và cạnh tranh, nhanh chóng, an toàn; kết nối thuận tiện giữa các phương thức vận tải, giữa thành phố Hồ Chí Minh với các đô thị vệ tinh, với cả nước và quốc tế. Chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Giao thông công cộng (xe buýt, đường sắt đô thị, taxi): Đến năm 2030, thị phần đảm nhận từ 35% ÷ 45%, sau năm 2030 từ 50% ÷ 60%;
- Giao thông cá nhân (ô tô, xe máy, xe đạp): Đến năm 2030, thị phần đảm nhận từ 51% ÷ 61%, sau năm 2030 từ 35% ÷ 45%;
- Các loại hình giao thông khác: Đến năm 2030, thị phần đảm nhận sẽ ở mức 4%, sau năm 2030 khoảng 5%.

Cơ bản hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông. Tiếp tục xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng khác theo quy hoạch.

III. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN

1. Đường bộ

a) Các trục cao tốc:

Xây dựng, hoàn thiện đầu tư các trục cao tốc có năng lực thông xe lớn.

- Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, chiều dài khoảng 55 km, quy mô 6 ÷ 8 làn xe;
- Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành, chiều dài khoảng 69 km, quy mô 6 ÷ 8 làn xe;
- Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, chiều dài khoảng 55 km, quy mô 4 ÷ 6 làn xe;
- Cao tốc Bến Lức - Long Thành, chiều dài khoảng 58 km, quy mô 6 ÷ 8 làn xe;
- Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, chiều dài khoảng 76 km, quy mô 6 ÷ 8 làn xe;
- Nâng cấp, mở rộng quy mô 8 làn xe tuyến cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, chiều dài khoảng 40 km vào thời điểm nhất định.

b) Các tuyến quốc lộ:

Cải tạo, nâng cấp các quốc lộ hướng tâm.

- Quốc lộ 1 phía Bắc, đoạn nút giao Trạm 2 - ngã Ba Vũng Tàu, chiều dài khoảng 7,5 km, quy mô 10 làn xe, tiêu chuẩn đường ô tô cấp I;
- Quốc lộ 1 phía Nam, đoạn nút giao An Lạc - Vành đai 4 (Bến Lức), chiều dài khoảng 16,5 km, quy mô 8 làn xe, tiêu chuẩn đường ô tô cấp I;
- Quốc lộ 1, đoạn nút giao Trạm 2 - nút giao An Lạc (Vành đai 2), chiều dài khoảng 34,0 km, quy mô 8 làn xe, tiêu chuẩn đường phố chính chủ yếu;
- Quốc lộ 1K, cầu Hóa An - nút giao Linh Xuân, chiều dài khoảng 10,2 km, quy mô 8 làn xe, tiêu chuẩn đường ô tô cấp II;
- Quốc lộ 13:
 - + Đoạn ngã tư Bình Phước (Vành đai 2) - Thủ Dầu Một, chiều dài khoảng 13,5 km, quy mô 8 làn xe, tiêu chuẩn đường ô tô cấp I;
 - + Đoạn ngã tư Bình Phước (Vành đai 2) - khu vực nội thành, chiều dài khoảng 6,0 km, quy mô 6 làn xe, tiêu chuẩn đường phố chính thứ yếu;

- Quốc lộ 22, đoạn nút giao An Sương - Củ Chi (Vành đai 4), chiều dài khoảng 31,0 km, quy mô 10 ÷ 12 làn xe, tiêu chuẩn đường ô tô cấp I;

- Quốc lộ 50:

+ Đoạn Vành đai 2 - thị trấn cần Giuộc, chiều dài khoảng 15,0 km, quy mô 6 làn xe, tiêu chuẩn đường ô tô cấp II;

+ Đoạn Vành đai 2 - khu vực nội thành được cải tạo, nâng cấp thành đường phố chính thứ yếu, chiều dài 3 km, quy mô 4 ÷ 6 làn xe. Xây dựng tuyến song hành, chiều dài khoảng 7,4 km, quy mô 4 ÷ 6 làn xe.

c) Các tuyến đường vành đai:

- Xây dựng khép kín đường Vành đai 2 với chiều dài khoảng 64,0 km, quy mô 6 ÷ 10 làn xe, tiêu chuẩn đường phố chính theo các điểm khống chế: Ngã tư Gò Dưa - ngã tư Bình Phước - ngã tư An Sương - cắt trục xuyên tâm Đông - Tây - đường Nguyễn Văn Linh - cầu Phú Mỹ - cắt đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây - cắt xa lộ Hà Nội tại nút giao Bình Thái - ngã tư Gò Dưa;

- Xây dựng đường Vành đai 3 với chiều dài khoảng 89,0 km, quy mô 6 ÷ 8 làn xe, tiêu chuẩn đường cao tốc được phê duyệt theo Quyết định số 1697/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, có cập nhật điều chỉnh quy mô mặt cắt ngang đoạn Mỹ Phước - Tân Vạn là 32 m, kết hợp xây dựng cao tốc Vành đai 3 trên cao;

- Xây dựng đường Vành đai 4 với chiều dài khoảng 198,0 km, quy mô 6 ÷ 8 làn xe, tiêu chuẩn đường cao tốc được phê duyệt theo Quyết định số 1698/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Các tuyến đường trục chính đô thị:

- Xây dựng hoàn chỉnh và kéo dài trục đường Đông - Tây về phía Nam nối ra đường Vành đai 3, chiều dài toàn tuyến khoảng 30,7 km, quy mô 6 ÷ 10 làn xe;

- Xây dựng hoàn chỉnh trục đường Bắc - Nam từ An Sương đến Khu công nghiệp Hiệp Phước, chiều dài toàn tuyến khoảng 34,0 km, quy mô 4 ÷ 8 làn xe;

- Xây dựng hoàn chỉnh trục đường Phạm Văn Đồng - Bạch Đằng và Hồng Hà - Trường Sơn - Hoàng Văn Thụ - Thoại Ngọc Hầu - Vành đai trong, kéo đến đường